

Số: 1402/QĐ-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định hoạt động khoa học và công nghệ
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023, Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023, Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28 tháng 09 năm 2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; Căn cứ Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Căn cứ Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; Căn cứ Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo

216

dục và Đào tạo quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-BKHCHN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch triển khai khoản 3 Điều 26 Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3170/QĐ-ĐHSPKT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *vt*

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KHCHN.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hiếu Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Hoạt động khoa học và công nghệ
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường ĐHSPKT TPHCM hoặc Trường/Nhà trường).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định hoạt động khoa học và công nghệ được áp dụng thống nhất cho các đơn vị, viên chức, người lao động, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên của Trường ĐHSPKT TPHCM.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất, thông tin và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao tại Trường ĐHSPKT TPHCM đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn, có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.

4. Nhóm nghiên cứu trọng điểm là các nhóm nghiên cứu được thành lập bởi Trường ĐHSPKT TPHCM, do viên chức, người lao động của Trường làm trưởng nhóm; có chiến lược phát triển nghiên cứu chuyên sâu, dài hạn và có tính đột phá; có các kết quả nghiên cứu có tính khoa học, tính ứng dụng và gắn liền với đào tạo.

5. Hoạt động đổi mới sáng tạo tại Trường ĐHSPKT TPHCM là hoạt động tạo ra và ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý nhằm nâng cao năng

2/11

suất, chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách hiệu quả.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp địa phương, cấp Bộ, cấp Nhà nước; các chương trình, dự án khoa học và công nghệ quốc tế; các đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp Trường.

7. Đề tài khoa học và công nghệ là một dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm các hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

8. Chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước gồm:

a) Cấp Nhà nước: do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện; đề tài quỹ Nafosted: do Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia phê duyệt và giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện;

b) Cấp Bộ: do Bộ trưởng của các Bộ ngành tương ứng phê duyệt và giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện.

9. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên sản phẩm bài báo là đề tài dành cho viên chức, người lao động thực hiện nghiên cứu khoa học lý thuyết hoặc ứng dụng, gắn liền với hoạt động đào tạo của Nhà trường, với bài báo khoa học là sản phẩm của đề tài.

b) Đề tài nghiên cứu khoa học dành cho nhóm nghiên cứu trọng điểm là đề tài được triển khai cho các nhóm nghiên cứu trọng điểm của Trường, nhằm giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo định hướng trọng tâm. Các đề tài này thường yêu cầu nguồn kinh phí lớn và phải đáp ứng một số yêu cầu quan trọng, bao gồm chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đào tạo nghiên cứu sinh, cũng như công bố bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín.

c) Đề tài nghiên cứu khoa học kết hợp với doanh nghiệp, phục vụ chuyển giao công nghệ là những đề tài có tính ứng dụng thực tiễn, sản phẩm đề tài có thực hiện chuyển giao công nghệ.

d) Đề tài nghiên cứu khoa học đặt hàng là đề tài được Nhà trường đặt hàng các cá nhân/nhóm nghiên cứu thực hiện theo nhu cầu cấp bách.

10. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ, nhằm hoàn thiện công nghệ và sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và ứng dụng trong thực tiễn.

11. Dự án khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

12. Chương trình khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục

tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ.

13. Tài sản trí tuệ là tất cả các sản phẩm trí tuệ có thể được sở hữu hợp pháp thông qua hoạt động sáng tạo, đầu tư để sáng tạo, mua lại, nhận chuyển giao hoặc được biểu, tặng, trao đổi; bao gồm các đối tượng sở hữu trí tuệ, các quyền sở hữu trí tuệ đã xác lập và các tài sản trí tuệ khác

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Trường là kinh phí trích từ nguồn thu học phí; từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; từ nguồn thu hợp pháp của Trường và được chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định.

15. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

16. Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

17. Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

18. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

19. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

20. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

21. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác.

22. Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng bản sao dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý.

23. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

24. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp.

25. Mạch tích hợp bán dẫn là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

26. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

27. Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

28. Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

29. Văn bằng bảo hộ là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu.

30. Sản phẩm học thuật đề cập đến trong quy định này bao gồm bài báo khoa học, báo cáo nghiên cứu khoa học.

31. Trích dẫn nguồn là chỉ rõ đầy đủ thông tin nguồn tài liệu tham khảo cho các nội dung người viết đã tham khảo từ nguồn khác trong sản phẩm của mình. Trích dẫn nguồn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành¹, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường.

32. Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả.

Điều 3. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Ngân sách phát triển khoa học và công nghệ của Trường được hình thành từ các nguồn:

a) Kinh phí được trích tối thiểu 5% từ nguồn thu học phí. Khoản kinh phí này chỉ được sử dụng cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của người học, viên chức, người lao động và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của Trường;

b) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến, tặng của cựu sinh viên hoặc của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

c) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trường không sử dụng ngân sách Nhà nước; đối ứng nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp Bộ, cấp Tỉnh trở lên có sử dụng ngân sách Nhà nước;

b) Hỗ trợ các nhóm nghiên cứu, viên chức, người lao động công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và nước ngoài, mua tài liệu khoa học; mua bản quyền, cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ; mua quyền sở hữu và sử dụng công nghệ; mời chuyên gia tham dự hội nghị, hội thảo; hỗ trợ thù lao hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với chuyên gia; hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ các nhóm khởi nghiệp của người học và viên chức, người lao động;

c) Chi khen thưởng viên chức, người lao động và người học có thành tích cao trong

¹ Văn bản hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ số 11/VBHN-VPQH ngày 08 tháng 7 năm 2022.

ngiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đạt giải thưởng khoa học và công nghệ trong nước, quốc tế; mức chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

d) Trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ;

e) Tài trợ kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP;

g) Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân tài trợ, đặt hàng theo thỏa thuận với nhà tài trợ;

h) Thực hiện hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

i) Thực hiện thuê tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Trường; thực hiện ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

k) Thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của Trường;

l) Tài trợ, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cho người học và học sinh (tạo nguồn).

3. Việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí phục vụ khoa học và công nghệ của Trường ĐHSPKT TPHCM được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, theo quy định của pháp luật và được công bố công khai. Tỷ lệ phân bổ nguồn kinh phí dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể được Ban Giám hiệu (BGH) phê duyệt hằng năm.

Điều 4. Quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Trường ĐHSPKT TPHCM được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước, một phần từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, về khoa học và công nghệ, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định liên quan;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc phương thức khoán chi từng phần theo quy định;

c) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng một phần kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, Trường ĐHSPKT TPHCM sẽ xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước để áp dụng các quy định cho phù hợp;

d) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại điểm a khoản này; quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

a) Trường ĐHSPKT TPHCM được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn thu hợp pháp khác của Trường khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp đăng ký;

b) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước được áp dụng theo quy định tài chính của Trường, có tổ chức thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ.

4. Việc quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện riêng biệt và báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Nội dung, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, bao gồm chương trình, đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

b) Sở hữu trí tuệ; ứng dụng và chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; dịch vụ khoa học và công nghệ; sản xuất kinh doanh;

c) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức, người lao động về nghiên cứu khoa học;

d) Dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm liên ngành và chuyên ngành, dự án nâng cấp tạp chí khoa học, dự án sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, số hóa thư viện, hạ tầng thông tin;

e) Nghiên cứu khoa học của người học và viên chức, người lao động trong Trường;

g) Hợp tác khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

h) Thông tin, thống kê về khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

i) Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho viên chức, người lao động, người học, các tổ chức, cá nhân liên quan; thành lập, thúc đẩy hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ;

k) Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ;

l) Các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác có liên quan.

2. Trường ĐHSPKT TPHCM xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ trên cơ sở chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước, Bộ, ngành, địa phương và của Trường ĐHSPKT TPHCM; nhu cầu hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế và các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường ĐHSPKT TPHCM theo nguyên tắc:

a) Hoạt động khoa học và công nghệ cùng hoạt động đào tạo là nhiệm vụ chính của

Trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Xác định rõ vai trò, quyền và trách nhiệm của các đơn vị, viên chức, người lao động và người học đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị, viên chức, người lao động, người học là căn cứ để xem xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách có liên quan.

2. Phòng Khoa học Công nghệ là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHSPKT TPHCM².

Chương III

NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH³

Điều 7. Điều kiện thành lập và tiêu chí công nhận nhóm nghiên cứu mạnh

Nhóm nghiên cứu mạnh trong Trường ĐHSPKT TPHCM được thành lập và công nhận theo các điều kiện và tiêu chí được quy định tại Điều 8 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP.

Điều 8. Tiêu chuẩn trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu mạnh

1. Trưởng nhóm là viên chức, người lao động cơ hữu của Trường ĐHSPKT TPHCM đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn đồng trưởng nhóm, thành viên chủ chốt, thành viên được quy định tại Nghị định số 109/2022/NĐ-CP.

Điều 9. Chính sách ưu đãi, quyền, trách nhiệm cho nhóm nghiên cứu mạnh

1. Nhóm nghiên cứu mạnh được hưởng ưu đãi từ Nhà nước theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP.

2. Nhóm nghiên cứu mạnh được Nhà trường hỗ trợ về kinh phí hoạt động, 01 phòng làm việc, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm để hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đã được phê duyệt.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì, trưởng nhóm, thành viên nhóm nghiên cứu mạnh được quy định tại Điều 11 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP.

Chương IV

NHÓM NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM CẤP TRƯỜNG

Điều 10. Điều kiện thành lập và tiêu chí công nhận nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

1. Nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường phải có định hướng nghiên cứu rõ ràng, phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của Nhà trường.

² Quyết định số 2499/QĐ-ĐHSPKT ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị thuộc Trường ĐHSPKT TPHCM.

³ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Trưởng nhóm và các thành viên của nhóm là viên chức, người lao động đang công tác tại Trường ĐHSPKT TPHCM hoặc các nhà nghiên cứu khoa học ở các đơn vị trong nước và ngoài nước khác đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Quy định này.

3. Nhóm nghiên cứu trọng điểm có tối thiểu 06 thành viên, trong đó có 01 trưởng nhóm và các thành viên; có tối thiểu 2/3 thành viên là viên chức, người lao động đang công tác tại Trường ĐHSPKT TPHCM.

Điều 11. Tiêu chuẩn trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

1. Trưởng nhóm là viên chức, người lao động cơ hữu của Trường ĐHSPKT TPHCM, đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có bằng tiến sĩ và có định hướng nghiên cứu đúng với định hướng nghiên cứu của nhóm;

b) Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Sở/Quỹ Nafosted/cấp Bộ đã nghiệm thu “Đạt”;

c) Chủ biên của 01 cuốn sách tham khảo hoặc giáo trình được xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín hoặc 01 chương sách được xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín thế giới;

d) Tác giả chính của tối thiểu 05 bài báo khoa học xuất bản trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCIE/SSCI/AHCI (WoS) hoặc Scopus; hoặc là tác giả của ít nhất 02 văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích/bản quyền; hoặc 02 công trình/sản phẩm công nghệ được chuyển giao; hoặc 02 sản phẩm khoa học và công nghệ đạt giải thưởng từ cấp Bộ trở lên trong lĩnh vực khoa học tự nhiên - kỹ thuật hoặc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn;

e) Có chỉ số H-index là 08 trở nên (theo dữ liệu của Scopus/google Scholar);

g) Hướng dẫn thành công ít nhất 01 nghiên cứu sinh hoặc 02 học viên cao học;

h) Không vi phạm các quy định về liêm chính trong nghiên cứu khoa học trong vòng 05 năm trở lại tính tới thời điểm đăng ký thành lập nhóm.

2. Thành viên tham gia nhóm nghiên cứu:

a) Là viên chức, người lao động đang công tác tại Trường ĐHSPKT TPHCM hoặc các nhà nghiên cứu khoa học ở các đơn vị trong nước và ngoài nước;

b) Có chuyên môn, kinh nghiệm, thành tích phù hợp với định hướng nghiên cứu của nhóm trọng điểm;

c) Có năng lực nghiên cứu và làm việc nhóm;

d) Trong số các thành viên, ít nhất 2/3 có bằng tiến sĩ, đã hướng dẫn thành công tối thiểu 01 thạc sĩ, có chỉ số H-index từ 05 trở lên và chỉ được tham gia tối đa 02 nhóm nghiên cứu trọng điểm.

3. Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 12. Chính sách ưu đãi cho nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

1. Được bố trí 01 phòng làm việc.

2. Được sử dụng trang thiết bị, phòng thí nghiệm của Trường phục vụ nghiên cứu.

3. Được ưu tiên xét duyệt 01 đề tài cho mỗi nhóm trọng điểm/năm.

4. Được ưu tiên xét duyệt đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước và đề tài đặt hàng từ Nhà trường.

5. Được hỗ trợ kinh phí tổ chức các hội thảo khoa học định kỳ được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

6. Được xem xét đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học.

Điều 13. Trách nhiệm của nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

1. Tổ chức hội thảo khoa học định kì 2 lần/năm từ cấp khoa trở lên.

2. Công bố ổn định và đạt mức trung bình mỗi năm ít nhất 05 bài báo trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS) đối với khối ngành khoa học tự nhiên - kỹ thuật và thuộc cơ sở dữ liệu WoS/Scopus đối với khối ngành khoa học xã hội - nhân văn. Thành viên thuộc nhóm nghiên cứu là tác giả chính, với cơ quan liên hệ (author affiliation) là Trường ĐHSPKT TPHCM.

3. Mỗi năm, có ít nhất 01 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích/quyền tác giả.

4. Mỗi năm, đề xuất ít nhất 01 đề tài/dự án từ quỹ Nafosted, cấp Bộ, Sở, Nhà nước hoặc Quốc tế và được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ; hoặc đang thực hiện ít nhất 01 đề tài/dự án ở các cấp tương tự.

5. Trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ, xuất bản ít nhất 01 cuốn sách chuyên khảo/tham khảo/giáo trình.

6. Trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ, đào tạo thành công ít nhất 02 tiến sĩ hoặc đào tạo thành công 01 tiến sĩ và 04 thạc sĩ.

7. Trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ, được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích/quyền tác giả.

8. Trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành ít nhất 01 đề tài/dự án từ quỹ Nafosted, cấp Bộ, Sở, Nhà nước hoặc Quốc tế.

9. Chuyển giao ít nhất 01 công nghệ/quy trình sản xuất; hoặc thương mại hóa ít nhất 01 sản phẩm khoa học và công nghệ; hoặc có 01 sản phẩm khoa học và công nghệ cấp quốc gia được công nhận; hoặc thực hiện 03 hợp đồng chuyển giao tri thức, tư vấn khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp trong trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ.

10. Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm về Phòng Khoa học Công nghệ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 14. Quy định thành lập và giải thể nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

1. Quy định về thành lập nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

a) Căn cứ vào quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy định này, Trưởng nhóm nộp Đề án thành lập nhóm nghiên cứu trọng điểm cho Phòng Khoa học Công nghệ, kèm theo Lý lịch khoa học và xác nhận tham gia của tất cả thành viên trong nhóm nghiên cứu trọng điểm.

b) Trong đề án trình bày rõ mục tiêu, định hướng nghiên cứu, kế hoạch phát triển tối thiểu trong giai đoạn 05 năm, cam kết về kết quả đạt được, cũng như tiềm lực và kinh nghiệm nghiên cứu của nhóm;

c) Trường ĐHSPKT TPHCM thành lập Hội đồng chuyên môn để thẩm định đề án; Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Nhóm nghiên cứu trọng điểm nếu kết quả thẩm định là “Đạt”.

2. Quy định về giải thể các nhóm nghiên cứu trọng điểm cấp Trường

Nhóm nghiên cứu trọng điểm sẽ thực hiện giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị của trưởng nhóm;
- b) Không hoàn thành các yêu cầu được quy định tại Điều 13 Quy định này;
- c) Không nộp báo cáo hoạt động hằng năm cho Phòng Khoa học Công nghệ đúng hạn;
- d) Khi giải thể, nhóm phải có trách nhiệm bàn giao toàn bộ phòng làm việc và các trang thiết bị do Nhà trường cung cấp (nếu có);
- e) Phòng Khoa học Công nghệ tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quyết định giải thể nhóm.

Chương V

HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 15. Các đối tượng sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học

1. Các đối tượng sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu của Trường ĐHSPKT TPHCM được thể hiện hoặc mô tả dưới các hình thức:

- a) Bài báo khoa học;
- b) Thuyết minh, báo cáo tổng kết đề tài;
- c) Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu;
- d) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
- e) Tác phẩm kiến trúc;
- g) Sơ đồ, bản vẽ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật;
- h) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu;
- i) Thiết bị, máy móc mới chế tạo.

2. Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

3. Tác phẩm được bảo hộ quy định tại khoản 2 Điều này phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.

Điều 16. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ

1. Trường ĐHSPKT TPHCM là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ các tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động, người học của Trường tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- a) Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường hoặc từ kinh phí của Trường;
- b) Sử dụng thời gian làm việc hành chính do Nhà trường trả lương; cơ sở vật chất, các nguồn lực của Trường;

c) Trường giao nhiệm vụ cho cá nhân và đơn vị thuộc Trường thực hiện;

d) Trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm;

e) Tài sản sở hữu trí tuệ được tạo ra khi thực hiện các hợp đồng ký kết giữa Nhà trường và các đối tác bên ngoài trong đó có quy định tài sản sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Nhà trường;

g) Các tài sản sở hữu trí tuệ được các chủ thể khác cho tặng cho Nhà trường.

2. Trường ĐHSPKT TPHCM là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng làm việc với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng và lao động hợp đồng có sử dụng nguồn lực của Trường trong việc tạo ra tài sản trí tuệ, trừ khi hợp đồng liên quan có thỏa thuận khác.

3. Trường ĐHSPKT TPHCM là đồng chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp tài sản sở hữu trí tuệ được hình thành trong quá trình hợp tác với các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nghiên cứu, hợp tác đầu tư phát triển, trừ khi hợp đồng liên quan có thỏa thuận khác.

Điều 17. Khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ của Trường

1. Trường ĐHSPKT TPHCM cùng với tác giả tìm các biện pháp khuyến khích, thúc đẩy khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ đã được bảo hộ.

2. Trường hỗ trợ tài chính cho việc nhận chuyển giao và khai thác tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm có khả năng thương mại hóa; hỗ trợ 100% lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (trừ các đơn đăng ký sở hữu trí tuệ là sản phẩm của đề tài hoặc đã nhận hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác).

3. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ phải tôn trọng các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả và đồng tác giả theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

4. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường đã được bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ mà không được phép của chủ sở hữu đều là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và phải chịu các chế tài liên quan theo quy định.

5. Trường ĐHSPKT TPHCM là đại diện pháp lý, hỗ trợ về thủ tục pháp lý để bảo hộ tài sản trí tuệ khi các tài sản sở hữu trí tuệ bị xâm phạm bởi các tổ chức, cá nhân khác.

6. Trường ĐHSPKT TPHCM thành lập Hội đồng chuyên gia để đánh giá tính khả thi thương mại hóa sản phẩm trên thị trường. Hội đồng chuyên gia có nhiệm vụ tư vấn cho Nhà trường tiếp tục hỗ trợ tài chính cho việc nhận chuyển giao và khai thác tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ này hay không.

7. Đối với những tài sản sở hữu trí tuệ do Trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, khi thực hiện chuyển giao, các tài sản sở hữu trí tuệ phải được thực hiện định giá và quản lý theo quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn của Nhà nước.

Điều 18. Phân chia lợi nhuận tài sản trí tuệ

1. Trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra bằng 100% kinh phí của Trường hoặc 100% kinh phí từ ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường, sau khi trừ các

chi phí hợp lệ, phần lợi nhuận sau thương mại hóa được phân chia theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết.

2. Trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra sử dụng nhiều nguồn kinh phí, trong đó có một phần từ ngân sách Nhà nước thì việc phân chia lợi nhuận theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

Điều 19. Trách nhiệm quản lý sở hữu trí tuệ

1. Phòng Khoa học Công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện quản lý về sở hữu trí tuệ đối với bài báo khoa học; thuyết minh, báo cáo tổng kết đề tài; sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm kiến trúc; sơ đồ, bản vẽ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; thiết bị, máy móc mới chế tạo.

2. Các khoa/viện chuyên môn phối hợp với Phòng Khoa học Công nghệ xây dựng quy trình thực hiện các nội dung liên quan đến quản lý sở hữu trí tuệ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị và phổ biến cho viên chức, người lao động, người học thực hiện theo quy định về sở hữu trí tuệ.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI HỌC

Mục 1

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC, CẤP BỘ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 20. Tiêu chuẩn chủ nhiệm và đăng ký chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Tiêu chuẩn chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương được quy định cụ thể tại các văn bản của các bộ hoặc cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp.

2. Các chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương được đăng ký theo thông báo của Phòng Khoa học Công nghệ hoặc theo thông báo trực tiếp từ các cơ quan chủ quản.

Điều 21. Xét duyệt và tuyển chọn nhiệm vụ chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Đối với các đề tài cấp Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Phòng Khoa học Công nghệ xây dựng kế hoạch, thành lập các Hội đồng tư vấn, xét duyệt và tuyển chọn các đề xuất.

2. Dựa theo kết quả Hội đồng tư vấn chuyên ngành, Trường ĐHSPKT TPHCM lập danh mục đề xuất gửi kết quả cho Hội đồng của Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

3. Các chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương khác sẽ được xét duyệt và tuyển chọn tại các cơ quan chủ quản.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng cho chủ

nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu của đề tài thực hiện nghiên cứu theo đúng nội dung và tiến độ ghi trong thuyết minh đề tài và hợp đồng thực hiện đề tài.

2. Tổ chức kiểm tra và gửi báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện đề tài cho Bộ hoặc cơ quan quản lý trực tiếp.

3. Công bố các kết quả nghiên cứu của đề tài trên trang thông tin điện tử của tổ chức chủ trì và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành.

4. Hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của đề tài.

5. Tiếp nhận chuyển giao tài sản cố định, trang thiết bị, phần mềm máy tính, tài liệu nghiên cứu được mua sắm từ kinh phí của đề tài.

Điều 23. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Kiến nghị với Nhà trường tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng để thực hiện chương trình, đề tài.

2. Lựa chọn các thành viên tham gia nghiên cứu đề tài, ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài tổ chức để triển khai các nội dung nghiên cứu.

3. Đề xuất điều chỉnh đề tài với tổ chức chủ trì (nếu có).

4. Đề nghị Nhà trường tổ chức đánh giá, nghiệm thu đề tài sau khi nộp đủ hồ sơ theo quy định.

5. Được xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của đề tài.

6. Được thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài.

7. Có trách nhiệm thực hiện, quản lý, phối hợp với các thành viên tham gia đề tài hoàn thành các nội dung của đề tài theo đúng tiến độ.

8. Có trách nhiệm thực hiện báo cáo tiến độ theo quy định của tổ chức chủ trì.

9. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và đúng các quy định về tạm ứng, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí; thực hiện nội dung, báo cáo tiến độ và nghiệm thu kết quả thực hiện đúng hợp đồng.

Điều 24. Thực hiện nhiệm vụ chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Chủ nhiệm và các thành viên chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương thực hiện ký hợp đồng và thực hiện các nhiệm vụ theo những nội dung và thời gian thực hiện đã được phê duyệt trong thuyết minh, hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng (nếu có).

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi so với thuyết minh đã được phê duyệt, chủ nhiệm phải thực hiện các thủ tục theo quy định và phải thông qua Phòng Khoa học Công nghệ việc thay đổi này.

3. Tổ chức hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ phải gửi báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 25. Tổ chức nghiệm thu chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ thực hiện đánh giá nghiệm

thu ở hai cấp: cấp cơ sở và cấp Nhà nước/cấp Bộ.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và tương đương khác sẽ thực hiện đánh giá theo quy định của cơ quan chủ quản.

3. Kinh phí xét duyệt, nghiệm thu, kinh phí quản lý được áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 26. Quản lý các sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng, sản phẩm sở hữu trí tuệ của các chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương

1. Chủ nhiệm các chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương có trách nhiệm bàn giao các sản phẩm ứng dụng cho các khoa/viện chuyên môn để khai thác và sử dụng. Thực hiện các thủ tục nhập các sản phẩm ứng dụng vào danh mục tài sản của Trường để quản lý.

2. Chủ nhiệm các đề tài có trách nhiệm báo cáo tình trạng các sản phẩm ứng dụng của đề tài khi có yêu cầu.

3. Đối với các đề tài có sản phẩm là bài báo: Nếu bài báo bị rút bài, chủ nhiệm và các thành viên thực hiện đề tài phải có trách nhiệm thông báo cho Nhà trường và các cơ quan chủ quản.

4. Đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu phải tuân thủ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của Bộ, ngành liên quan và quy định tại Chương V của Quy định này.

Mục 2

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP SỞ, QUỸ NAFOSTED

Điều 27. Đăng ký và xét duyệt đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted

1. Các cá nhân, nhóm nghiên cứu thực hiện nộp đề xuất, thuyết minh đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted theo thông báo của cơ quan chủ quản, đồng thời báo cáo về Phòng Khoa học Công nghệ để quản lý.

2. Xét duyệt đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted sẽ được thực hiện tại cơ quan chủ quản; Trường ĐHSPTK TPHCM hỗ trợ các cá nhân, nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện thủ tục xét duyệt.

Điều 28. Thực hiện đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted

1. Chủ nhiệm và các thành viên đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted thực hiện ký hợp đồng và thực hiện các nhiệm vụ theo những nội dung đã được phê duyệt trong thuyết minh.

2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo thuyết minh, hợp đồng được phê duyệt hoặc gia hạn hợp đồng (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi so với thuyết minh đã được phê duyệt, chủ nhiệm phải thực hiện các thủ tục theo quy định và phải thông qua Phòng Khoa học Công nghệ việc thay đổi này.

4. Tổ chức hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ phải gửi báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 29. Tổ chức nghiệm thu đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted

1. Chủ nhiệm và các thành viên thực hiện nghiệm thu đề tài cấp Sở, đề tài quỹ

Nafosted sẽ được thực hiện theo quy định của cơ quan chủ quản.

2. Chủ nhiệm và các thành viên hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu và nộp về cơ quan chủ quản.

3. Sau khi hoàn thành nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng Khoa học Công nghệ để quản lý.

4. Kinh phí quản lý được áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 30. Quản lý các sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng, sản phẩm sở hữu trí tuệ của các đề tài cấp Sở, đề tài quỹ Nafosted

1. Chủ nhiệm các đề tài Sở, đề tài quỹ Nafosted có trách nhiệm bàn giao các sản phẩm ứng dụng cho bên sử dụng theo hợp đồng đã thỏa thuận.

2. Chủ nhiệm các đề tài có trách nhiệm báo cáo tình trạng các sản phẩm ứng dụng của đề tài khi có yêu cầu.

3. Đối với các đề tài có sản phẩm là bài báo: nếu bài báo bị rút bài, chủ nhiệm và các thành viên thực hiện đề tài phải có trách nhiệm thông báo với Nhà trường và các cơ quan chủ quản.

4. Đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ: chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu tuân thủ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của cơ quan chủ quản và quy định tại Chương V của Quy định này.

Mục 3

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

Điều 31. Các loại đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường

1. Đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên sản phẩm bài báo.
2. Đề tài nghiên cứu khoa học dành cho nhóm nghiên cứu trọng điểm.
3. Đề tài nghiên cứu khoa học kết hợp doanh nghiệp, phục vụ chuyển giao.
4. Đề tài nghiên cứu khoa học đặt hàng.

Điều 32. Nguyên tắc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường

1. Mỗi đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường do 01 viên chức, người lao động thuộc Trường ĐHSPKT TPHCM làm chủ nhiệm, cùng với các thành viên tham gia; không có đồng chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm đề tài.

2. Mỗi viên chức, người lao động của Trường được đăng ký làm chủ nhiệm tối đa 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường trong một năm (không tính đề tài của nhóm nghiên cứu trọng điểm và đề tài đặt hàng).

3. Ưu tiên xét duyệt các đề tài có sản phẩm là bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus; có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; có hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh; có sản phẩm ứng dụng; và có chuyển giao công nghệ.

4. Phòng Khoa học Công nghệ rà soát, hoàn thiện hồ sơ và trình BGH phê duyệt danh mục đề tài.

5. Chủ nhiệm và các thành viên trong đề tài thực hiện và hoàn thành các nội dung

được phê duyệt trong thuyết minh đúng thời gian quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi nhưng không làm thay đổi mục tiêu, sản phẩm và kinh phí của đề tài đã được phê duyệt trong hợp đồng và thuyết minh, chủ nhiệm phải thực hiện các thủ tục theo hướng dẫn trong vòng 06 tháng kể từ khi ký hợp đồng và phải thông qua Phòng Khoa học Công nghệ việc thay đổi này.

6. Thời gian thực hiện 12 tháng và được xem xét gia hạn tối đa 06 tháng.

7. Tổ chức hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ phải gửi báo cáo tiến độ thực hiện đề tài định kỳ mỗi 06 tháng cho Phòng Khoa học Công nghệ.

Điều 33. Tiêu chuẩn chủ nhiệm đề tài cấp Trường

1. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường nói chung

a) Là viên chức, người lao động đang công tác tại Trường ĐHSPKT TPHCM tại thời điểm đăng ký;

b) Không vi phạm đạo đức nghiên cứu trong 5 năm gần nhất;

c) Có chuyên môn nghiên cứu phù hợp với đề tài đăng ký;

d) Không bị cấm đăng ký đề tài do hủy đề tài cấp Trường năm liền trước.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học dành cho nhóm nghiên cứu trọng điểm

a) Là viên chức, người lao động đang công tác tại Trường ĐHSPKT TPHCM tại thời điểm đăng ký;

b) Là trưởng nhóm hoặc thành viên nhóm trọng điểm;

c) Không vi phạm đạo đức nghiên cứu trong 5 năm gần nhất;

d) Có học vị từ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn nghiên cứu phù hợp với đề tài đăng ký, và có khả năng tổ chức thực hiện đề tài cấp cơ sở;

e) Có kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức, chuyên giao công nghệ;

g) Là tác giả chính ít nhất 02 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc có ít nhất 01 văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích/quyền tác giả trong 5 năm gần nhất;

h) Không bị cấm đăng ký đề tài do hủy đề tài cấp Trường năm liền trước.

Điều 34. Quy định về sản phẩm, quản lý sản phẩm và mức kinh phí đề tài cấp Trường

1. Sản phẩm bài báo đề tài cấp Trường được quy định như sau:

a) Chủ nhiệm hoặc thành viên đề tài là viên chức, người lao động của Trường phải là tác giả thứ nhất trong bài báo. Trường hợp người học (thành viên của đề tài) là tác giả thứ nhất thì chủ nhiệm hoặc thành viên đề tài là viên chức, người lao động của Trường phải tác giả liên hệ duy nhất trong bài báo;

b) Trong mục cơ quan liên hệ (author affiliation) đối với viên chức, người lao động và người học của trường phải ghi chính xác và duy nhất tên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Phải dùng địa chỉ email do Nhà trường cung cấp có tên miền hcmute.edu.vn làm

địa chỉ email liên hệ trong phần thông tin tác giả đối với viên chức, người lao động và người học của Trường;

d) Trong bài báo, phải có lời cảm ơn Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và ghi rõ mã số đề tài. Trường hợp chưa có mã số đề tài, cần ghi rõ năm thực hiện đề tài. Ngoài ra, bài báo có thể ghi lời cảm ơn các đơn vị khác đã hỗ trợ nguồn lực để hoàn thành đề tài, nhưng không được cảm ơn các đề tài khác;

e) Sau khi bài báo được xuất bản, tác giả là viên chức, người lao động của Trường phải cập nhật bài báo lên trang Google Scholar Profile và Research Gate cá nhân;

g) Xếp hạng Q theo chuyên ngành căn cứ vào thời gian chấp nhận đăng của bài báo;

h) Thời gian chấp nhận đăng của bài báo thuộc đề tài phải nằm trong thời gian thực hiện đề tài;

i) Sản phẩm bài báo được quy định trong Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này;

k) Đối với các đề tài có sản phẩm là bài báo, nếu tại thời điểm nghiệm thu, bài báo đã được chấp nhận đăng nhưng chưa được xuất bản chính thức (chưa có số và tập xuất bản) thì đề tài vẫn được nghiệm thu và thanh toán. Tuy nhiên, đề tài sẽ phải tuân thủ quy định về thời gian chờ xuất bản như sau:

Đối với các đề tài có sản phẩm bài báo từ mục 1 đến mục 6 trong Phụ lục 1, thời gian chờ xuất bản là 02 năm.

Đối với các dạng sản phẩm bài báo khác, thời gian chờ xuất bản là 01 năm.

Khi bài báo được xuất bản chính thức, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo về Phòng Khoa học Công nghệ để quản lý. Nếu sau thời gian chờ mà bài báo vẫn chưa được xuất bản chính thức, Nhà trường sẽ thu hồi toàn bộ kinh phí thực hiện đề tài; chủ nhiệm đề tài và các thành viên chỉ được tính giờ nghiên cứu khoa học.

2. Sản phẩm sở hữu trí tuệ

a) Chủ đơn: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Chủ nhiệm hoặc thành viên đề tài là viên chức, người lao động của Trường ĐHSPKT TPHCM là tác giả thứ nhất và dùng địa chỉ trường trong thông tin liên hệ;

c) Đề tài được nghiệm thu khi có quyết định về việc chấp nhận đơn hợp lệ của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời gian thực hiện đề tài.

3. Quy định quản lý các sản phẩm đề tài cấp Trường

a) Đối với những đề tài có sản phẩm ứng dụng, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm bàn giao các sản phẩm ứng dụng cho các khoa/viện chuyên môn để khai thác và sử dụng;

b) Chủ nhiệm các đề tài có trách nhiệm báo cáo tình trạng các sản phẩm ứng dụng của đề tài khi có yêu cầu;

c) Nếu bài báo của đề tài bị rút, chủ nhiệm đề tài phải thông báo bằng văn bản cho Nhà trường thông qua Phòng Khoa học Công nghệ trong vòng 02 tuần làm việc và hoàn trả một phần kinh phí của đề tài. Trường hợp không thông báo kịp thời, chủ nhiệm đề tài sẽ bị thu hồi toàn bộ kinh phí đề tài và đồng thời Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sẽ tham mưu Hiệu trưởng hình thức kỷ luật phù hợp. Quy định này có hiệu lực trong 05 năm kể từ thời điểm nghiệm thu đề tài. Sau thời hạn này, nếu bài báo bị rút, chủ nhiệm đề tài không phải hoàn trả kinh phí.

4. Mức kinh phí tối đa cho đề tài cấp Trường được xác định dựa trên sản phẩm của đề tài theo Phụ lục 1.

Điều 35. Đề tài nghiên cứu khoa học dành cho nhóm nghiên cứu trọng điểm

1. Kinh phí và sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học dành cho nhóm nghiên cứu trọng điểm được xác định theo Phụ lục 1.

2. Đối với sản phẩm bài báo, số lượng tác giả không thuộc nhóm nghiên cứu trọng điểm không được vượt quá 1/3 tổng số tác giả của bài báo.

3. Các đề tài của nhóm nghiên cứu trọng điểm cũng được áp dụng chính sách chờ xuất bản theo quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 34.

Điều 36. Đề tài nghiên cứu khoa học kết hợp doanh nghiệp, phục vụ chuyển giao

1. Ưu tiên xét duyệt đề tài kết hợp với doanh nghiệp, có cam kết chuyển giao công nghệ, có đối ứng kinh phí từ doanh nghiệp. Kinh phí hỗ trợ của Trường ĐHSPKT TPHCM được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xem xét, tư vấn, lựa chọn đề tài, đề xuất kinh phí hỗ trợ.

3. Các quy định về sử dụng kinh phí, chuyển giao công nghệ, nghiệm thu thanh lý, và thu hồi một phần kinh phí khi chuyển giao thành công sẽ được nêu rõ trong từng thuyết minh và hợp đồng cụ thể.

Điều 37. Đề tài nghiên cứu khoa học đặt hàng

1. Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xem xét, tư vấn, lựa chọn đề tài, đề xuất kinh phí hỗ trợ.

2. Sản phẩm ứng dụng của đề tài đặt hàng được thực hiện bàn giao cho đơn vị có nhu cầu sử dụng và nhập vào tài sản của Trường.

Điều 38. Đăng ký, xét duyệt và tuyển chọn đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường

1. Phòng Khoa học Công nghệ phối hợp với khoa/viện chuyên môn tham mưu cho BGH thành lập các Hội đồng chuyên môn tham gia tư vấn và xét duyệt đề tài.

2. Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ tuyển chọn đề tài thông qua việc đánh giá bản đề xuất và thuyết minh đề tài. Hội đồng tuyển chọn có từ 04 đến 09 thành viên, bao gồm: 01 chủ tịch, 01 thư ký khoa học, 01 thư ký hành chính, ít nhất 01 phản biện và các uỷ viên khác. Chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài không tham gia Hội đồng tuyển chọn.

3. Hội đồng tuyển chọn có thể tổ chức họp tập trung hoặc gửi phiếu nhận xét tùy theo tình hình thực tế. Các thành viên Hội đồng đánh giá thuyết minh đề tài bằng cách cho điểm theo từng nội dung. Điểm đánh giá được tính theo trung bình cộng của các thành viên Hội đồng. Đề tài được phê duyệt nếu điểm trung bình ≥ 50 và không có tiêu chí nào dưới mức điểm tối thiểu. Kết quả đánh giá được ghi vào biên bản.

4. Kết quả tuyển chọn được thông báo cho chủ nhiệm đề tài đã được tuyển chọn để hoàn chỉnh hồ sơ đề tài.

5. Kinh phí xét duyệt, thanh lý, nghiệm thu, kinh phí quản lý áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 39. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường

1. Chủ nhiệm đề tài cấp Trường phải đảm bảo hoàn thành đủ số lượng sản phẩm đăng ký theo thuyết minh sẽ được đăng ký nghiệm thu theo thời gian quy định trong hợp đồng.

2. Phòng Khoa học Công nghệ thông báo kế hoạch nghiệm thu cho chủ nhiệm đề tài.

3. Hội đồng nghiệm thu gồm 06 thành viên, bao gồm: 01 chủ tịch, 02 phản biện, 01 ủy viên và 01 thư ký khoa học, 01 thư ký hành chính; trong đó có ít nhất 01 thành viên phản biện ngoài Trường. Thư ký hành chính hỗ trợ hội đồng các hồ sơ, thủ tục thực hiện và không tham gia chấm điểm.

4. Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện đề tài dựa trên các nội dung đã ký trong thuyết minh và hợp đồng.

5. Đối với đề tài đánh giá ở mức “Đạt”, chủ nhiệm đề tài thanh quyết toán theo hợp đồng đã ký theo quy định.

6. Đối với đề tài đánh giá ở mức “Đạt” nhưng sản phẩm không đáp ứng đúng như thuyết minh đăng ký thì xử lý như sau:

a) Đề tài có sản phẩm là các bài báo thấp hơn so với đăng ký nhưng nằm trong mục từ 1 đến 5 thì cắt giảm kinh phí theo Phụ lục 1.

b) Sản phẩm là các bài báo thấp hơn so với sản phẩm đăng ký nhưng không thuộc các sản phẩm bài báo trong các mục từ 1 đến 5 của Phụ lục 1: chủ nhiệm đề tài được nghiệm thu sản phẩm để tính giờ nghiên cứu khoa học nhưng không được thanh toán kinh phí. Các sản phẩm bài báo này sẽ được sử dụng để tính thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

7. Đối với đề tài đánh giá ở mức “Không đạt”: đề tài không được tính giờ nghiên cứu khoa học và không được thanh toán kinh phí.

8. Khi hết hạn thực hiện đề tài, nếu chủ nhiệm đề tài không hoàn thành đúng hạn thì phải làm “Đơn xin gia hạn” gửi về Phòng Khoa học Công nghệ, Nhà trường xem xét gia hạn tối đa 06 tháng đối với các đề tài trễ hạn. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường quá hạn so với thời gian kết thúc trong hợp đồng 15 ngày: nếu chưa được gia hạn sẽ bị hủy, chủ nhiệm đề tài phải bồi hoàn kinh phí theo quy định và bị xử phạt theo Điều 65 của Quy định này.

9. Sau khi hoàn thành nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, nếu chủ nhiệm và các thành viên đề tài không đồng ý với kết luận của Hội đồng nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài có quyền khiếu nại theo quy trình như sau:

a) Chủ nhiệm đề tài làm “Đơn đề nghị xem xét lại đánh giá của Hội đồng nghiệm thu” kèm theo minh chứng và gửi về Phòng Khoa học Công nghệ;

b) Hiệu trưởng xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để kiểm tra các kết luận của Hội đồng nghiệm thu;

c) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng quyết định:

Thành lập lại Hội đồng nghiệm thu nếu kết luận của Hội đồng nghiệm thu trước không hợp lý;

Giữ nguyên kết quả kết luận của Hội đồng trước nếu kết luận của Hội đồng nghiệm thu trước hợp lý, đúng quy định.

Mục 4

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 40. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài

1. Đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài.
2. Dự án quốc tế.
3. Đề tài, dự án Hiệp định.
4. Tài trợ, viện trợ phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

Điều 41. Đăng ký, tiếp nhận nhiệm vụ khoa học, công nghệ có yếu tố nước ngoài

1. Tiêu chuẩn chủ nhiệm, thành viên:
 - a) Là viên chức, người lao động của Trường ĐHSPKT TPHCM;
 - b) Chủ nhiệm có chuyên môn phù hợp, có khả năng tổ chức thực hiện chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định;
 - c) Đáp ứng được các yêu cầu và quy định của đối tác quốc tế.
2. Cá nhân, nhóm nghiên cứu đăng ký các chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định theo thông báo của Phòng Khoa học Công nghệ hoặc đăng ký trực tiếp theo thông báo của các cơ quan chủ quản.
3. Viên chức, người lao động tham gia thực hiện các chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định phải được phê duyệt của Nhà trường.
4. Phòng Khoa học Công nghệ thực hiện hỗ trợ các cá nhân, nhóm nghiên cứu các thủ tục cần thiết để thực hiện đăng ký các chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định.
5. Sau khi các chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định được chấp nhận, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm gửi các hồ sơ liên quan về Phòng Khoa học Công nghệ để trình Hiệu trưởng xin phê duyệt tiếp nhận tài chính có yếu tố nước ngoài.

Điều 42. Tiếp nhận các dự án quốc tế, tài trợ, viện trợ của nước ngoài để phục vụ nghiên cứu khoa học

1. Đối với các khoản tài trợ, viện trợ từ các cơ quan, tổ chức nước ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, chủ nhiệm đề tài phối hợp với Phòng Khoa học Công nghệ làm thủ tục xin phép tiếp nhận. Thủ tục gồm:
 - a) Tờ trình ghi rõ mục đích, nội dung, sản phẩm dự kiến, quy mô, giá trị của dự án; tên và tư cách pháp nhân tài trợ, thực hiện dự án; điều kiện, trách nhiệm, nghĩa vụ đơn vị thực hiện dự án; thời gian và địa điểm thực hiện dự án;
 - b) Thông tin về đối tác nước ngoài tài trợ, tham gia thực hiện dự án;
 - c) Văn bản của đối tác nước ngoài xác nhận khả năng tài trợ cho dự án;
 - d) Các tài liệu khác liên quan đến dự án.
2. Sau khi được Hiệu trưởng đồng ý tiếp nhận các dự án quốc tế, tài trợ, viện trợ của nước ngoài để phục vụ nghiên cứu khoa học, Phòng Khoa học Công nghệ và các đơn vị

liên quan phối hợp với chủ nhiệm đề tài chuẩn bị hồ sơ dự án trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các dự án quốc tế, tài trợ, viện trợ của nước ngoài để phục vụ nghiên cứu khoa học sau khi được phê duyệt sẽ được Phòng Khoa học Công nghệ tiếp nhận và triển khai thực hiện.

Điều 43. Quy định về quản lý các sản phẩm

1. Đối với những đề tài, dự án quốc tế có sản phẩm ứng dụng, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm bàn giao các sản phẩm ứng dụng cho các khoa/viện chuyên môn để khai thác và sử dụng, đồng thời chủ nhiệm đề tài liên hệ với Phòng Thiết bị - Vật tư để thực hiện thủ tục nhập sản phẩm vào danh mục tài sản của Nhà trường.

2. Đối với các dự án tài trợ, viện trợ phục vụ nghiên cứu khoa học dưới dạng thiết bị, hoặc tài trợ tài chính để mua thiết bị, các thiết bị này phải được bàn giao và nhập vào tài sản của Nhà trường theo quy định.

3. Các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm báo cáo tình trạng các sản phẩm ứng dụng của đề tài khi có yêu cầu.

4. Đối với các đề tài có sản phẩm là bài báo: nếu bài báo bị rút bài, chủ nhiệm và các thành viên thực hiện đề tài phải có trách nhiệm báo cáo với Nhà trường thông qua Phòng Khoa học Công nghệ và cơ quan chủ quản.

Điều 44. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định

1. Xây dựng thuyết minh, đề xuất và các thủ tục liên quan để thực hiện đăng ký.

2. Chủ nhiệm được quyền lựa chọn và ký hợp đồng với các thành viên và các cơ quan hữu quan tham gia thực hiện chương trình, dự án quốc tế và các đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, đề tài Hiệp định.

3. Chủ nhiệm phải thông qua Trường và thực hiện các thủ tục mời các cơ quan, đối tác bên ngoài tham gia thực hiện chương trình, dự án quốc tế và các đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với các đối tác nước ngoài.

4. Được sử dụng các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường phục vụ chương trình, dự án quốc tế và các đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài.

5. Được phối hợp với đối tác nước ngoài tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, triển lãm, diễn đàn khoa học, hội chợ công nghệ trong khuôn khổ chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định diễn ra tại Trường ĐHSPKT TPHCM.

6. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm phối hợp với Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục cần thiết về tiếp nhận tài chính có yếu tố nước ngoài theo quy định.

7. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của đối tác nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền.

8. Với các sản phẩm là bài báo khoa học phải có lời cảm ơn Trường ĐHSPKT TPHCM cùng với lời cảm ơn khác (theo yêu cầu của dự án). Thành viên tham gia phải sử dụng địa chỉ duy nhất là Trường ĐHSPKT TPHCM và địa chỉ email do Trường cung cấp.

9. Đối với các sản phẩm liên quan đến sở hữu trí tuệ, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm

phối hợp với Phòng Khoa học Công nghệ trao đổi, thỏa thuận với đối tác nước ngoài, trong đó quy định rõ vai trò, quyền lợi của các cá nhân và tổ chức tham gia.

Điều 45. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì

1. Phòng Khoa học Công nghệ, Phòng Quan hệ Quốc tế và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng việc thực hiện ký kết MOU, MOA, hợp đồng khoa học và công nghệ, hợp đồng dịch vụ, thỏa thuận tài trợ, viện trợ phục vụ nghiên cứu khoa học với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định.

2. Trường ĐHSPTK TPHCM phối hợp với các chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền để xin phép tiếp nhận chương trình, dự án quốc tế, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định.

3. Trường ĐHSPTK TPHCM và các đơn vị liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện cho các chủ nhiệm đề tài, nhóm nghiên cứu tổ chức các hoạt động, hội thảo, hội nghị, triển lãm; sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm của Trường để phục vụ thực hiện các chương trình, dự án quốc tế, đề tài hợp tác với nước ngoài, đề tài Hiệp định.

4. Phòng Quan hệ Quốc tế hỗ trợ các thủ tục liên quan đến việc tổ chức các hoạt động có yếu tố nước ngoài tham gia.

5. Kinh phí quản lý thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Mục 5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 46. Mục tiêu hoạt động nghiên cứu khoa học của người học

1. Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; góp phần phát hiện và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.

2. Tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ người học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm hình thành các ý tưởng, dự án khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Điều 47. Yêu cầu về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học

1. Phù hợp với khả năng của người học.

2. Phù hợp mục tiêu, nội dung và chương trình đào tạo mà người học đang theo học.

3. Phù hợp với định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHSPTK TPHCM.

4. Phù hợp với các quy định hiện hành về hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Kết quả nghiên cứu có giá trị khoa học, có tính mới, tính sáng tạo và ứng dụng trong thực tiễn.

Điều 48. Các hình thức tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của người học

1. Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của người học.

2. Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, các giải thưởng khoa học, công nghệ ở trong và ngoài nước.

3. Tham gia các cuộc thi, sân chơi học thuật, hội thi sáng tạo khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế.

4. Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

5. Công bố các kết quả nghiên cứu khoa học.

6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học khác.

Điều 49. Nội dung công tác quản lý hoạt động khoa học của người học

Công tác quản lý hoạt động khoa học của người học bao gồm các nội dung sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch, nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của người học hằng năm và chiến lược hoạt động dài hạn.

2. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, bao gồm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học;

b) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ kiến thức, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo và các diễn đàn khoa học; sân chơi học thuật, các cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp;

d) Hướng dẫn, khuyến khích người học tham gia các giải thưởng, triển lãm khoa học và công nghệ, các cuộc thi, các diễn đàn học thuật trong và ngoài nước;

e) Tổ chức các hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức đạo đức nghiên cứu, kiến thức về sở hữu trí tuệ; giới thiệu các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, kết quả nghiên cứu khoa học với các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước;

g) Khen thưởng, biểu dương người học và người hướng dẫn có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học; tôn vinh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

h) Các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác theo quy định.

3. Tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh (tạo nguồn).

4. Định kỳ tổ chức hội nghị tổng kết về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

5. Báo cáo về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp quản lý có liên quan.

Điều 50. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học

1. Tiêu chuẩn của chủ nhiệm đề tài

a) Là sinh viên Trường ĐHSPKT TPHCM, khuyến khích sinh viên năm 2 hoặc năm thứ 3 đứng tên chủ nhiệm đề tài;

b) Có chuyên ngành đang học phù hợp với nội dung nghiên cứu.

2. Trách nhiệm của sinh viên

a) Thực hiện nghiên cứu khoa học một cách trung thực, nghiêm túc, hoàn thành các nội dung nghiên cứu được phê duyệt trong thuyết minh đúng tiến độ;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, hoạt động khoa học và công

nghệ, và các quy định khác có liên quan.

3. Quyền lợi của sinh viên

- a) Được đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mỗi năm chỉ được làm chủ nhiệm 01 đề tài nhưng có thể tham gia nhiều đề tài khác;
- b) Được tạo điều kiện sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường phục vụ nghiên cứu;
- c) Được hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học theo định mức;
- d) Được công bố và hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị và các ấn phẩm khoa học trong và ngoài nước;
- e) Được hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho kết quả nghiên cứu;
- g) Được cộng điểm rèn luyện, ưu tiên xét cấp học bổng và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng dành cho sinh viên;
- h) Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định.

Điều 51. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

1. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn
 - a) Là viên chức, người lao động của Trường ĐHSPKT TPHCM;
 - b) Có bằng Thạc sĩ trở lên, chuyên môn phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài;
 - c) Có kinh nghiệm nghiên cứu và quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học.
2. Người hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên trong quá trình nghiên cứu, đảm bảo nội dung đề tài được phân công tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghiên cứu và quy định hiện hành. Đồng thời, phải sử dụng phần mềm kiểm tra mức độ trùng lặp của các sản phẩm học thuật theo quy định.
3. Người hướng dẫn được tính giờ nghiên cứu khoa học theo quy định trong Quy chế làm việc của giảng viên sau khi hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên.
4. Người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học có kết quả xuất sắc, đạt các giải thưởng khoa học và công nghệ, sáng tạo khởi nghiệp trong và ngoài nước hoặc các kết quả nghiên cứu được áp dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội sẽ được ưu tiên xét chọn danh hiệu thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng khác.
5. Mỗi năm, người hướng dẫn chỉ được hướng dẫn tối đa 04 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên.

Điều 52. Quy định sản phẩm đề tài nghiên cứu khoa học của người học

1. Các dạng sản phẩm đề tài nghiên cứu khoa học của người học
 - a) Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục của HĐGSNN, tạp chí quốc tế, hoặc được đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo có chỉ số xuất bản ISSN/ISBN;
 - b) Sản phẩm mô hình, thiết bị;
 - c) Sản phẩm ứng dụng có hợp đồng chuyển giao công nghệ;
 - d) Sản phẩm sở hữu trí tuệ (Sáng chế/giải pháp hữu ích/bản quyền).

e) Sản phẩm khoa học khác.

2. Đối với sản phẩm của đề tài là bài báo khoa học, chủ nhiệm đề tài bắt buộc phải có tên trong danh sách tác giả bài báo, trong đó chủ nhiệm hoặc thành viên đề tài là người học đứng đầu danh sách tác giả và gắn duy nhất tên Trường ĐHSPKT TPHCM. Bài báo phải có lời cảm ơn Trường ĐHSPKT TPHCM và ghi rõ mã số đề tài. Khuyến khích người hướng dẫn là tác giả liên hệ cho bài báo.

3. Đối với sản phẩm đề tài là mô hình/thiết bị, chủ nhiệm đề tài phải bàn giao về cho khoa/viện chuyên môn khai thác, sử dụng sau nghiệm thu.

4. Đề tài có sản phẩm là bài báo khoa học hoặc thiết bị/mô hình xếp loại xuất sắc/tốt sẽ được Nhà trường đề xuất tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học trong cơ sở giáo dục đại học và các giải thưởng khác.

5. Kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học của người học là sinh viên được áp dụng theo Phụ lục 1.

Điều 53. Đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên

1. Đăng ký đề tài

a) Phòng Khoa học Công nghệ thông báo kế hoạch và hướng dẫn đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học đến các khoa/viện và sinh viên hằng năm;

b) Mỗi đề tài nghiên cứu khoa học do 01 sinh viên đứng tên làm chủ nhiệm, với tối đa 04 thành viên tham gia thực hiện, dưới sự hướng dẫn chính của 01 viên chức, người lao động (được gọi chung là GVHD) thuộc Trường ĐHSPKT TPHCM. Ngoài ra, có thể có thêm 01 hướng dẫn phụ từ đơn vị phối hợp ngoài trường.

2. Xét duyệt đề tài

a) Các khoa/viện thành lập Hội đồng để xét duyệt và phân bổ kinh phí cho từng đề tài theo quy định;

b) Phòng Khoa học Công nghệ rà soát, tham mưu BGH phê duyệt danh mục đề tài, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của Nhà trường, và định mức kinh phí hằng năm.

3. Nghiệm thu đề tài

a) Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được nghiệm thu tập trung hai đợt mỗi năm: đợt 1 diễn ra vào tháng 6 hoặc 7, đợt 2 vào tháng 10 hoặc 11;

b) Hội đồng nghiệm thu có từ 04 đến 06 thành viên, bao gồm: 01 chủ tịch, 01 thư ký khoa học, 01 thư ký hành chính, ít nhất 01 ủy viên phản biện. Thư ký hành chính hỗ trợ hội đồng các hồ sơ, thủ tục thực hiện và không tham gia chấm điểm;

c) Đề tài nghiệm thu có kết quả “Không đạt” sẽ không được thanh quyết toán;

d) Đối với các đề tài đăng ký sản phẩm là bài báo khoa học, nếu bài báo không đạt yêu cầu theo đăng ký, đề tài vẫn được nghiệm thu nhưng chỉ được thanh toán một phần kinh phí;

e) Các trường hợp khác do BGH quyết định.

4. Điều chỉnh thuyết minh đề tài

Trong quá trình thực hiện, nếu có điều chỉnh nội dung thuyết minh hoặc hợp đồng đã

được phê duyệt, chủ nhiệm đề tài phải nộp “Đơn xin điều chỉnh thuyết minh và hợp đồng” và được Phòng Khoa học Công nghệ thông qua. Thời gian điều chỉnh không quá 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 54. Tổ chức sân chơi học thuật, cuộc thi nghiên cứu khoa học, cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp cho sinh viên

1. Phân loại:

a) Cấp Quốc gia và Quốc tế: Các sân chơi học thuật, cuộc thi nghiên cứu khoa học, cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp có quy mô toàn quốc hoặc quốc tế, tạo cơ hội để sinh viên tranh tài và khẳng định năng lực trên đấu trường lớn;

b) Cấp Trường: Các sân chơi học thuật, cuộc thi nghiên cứu khoa học, cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp do Phòng Khoa học Công nghệ/Trung tâm STKN&CGCN chủ trì tổ chức, được BGH phê duyệt kinh phí, nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong sinh viên;

c) Cấp Khoa/Viện: Các cuộc thi do khoa/viện chuyên môn tổ chức, sử dụng kinh phí từ nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị, tài trợ từ tổ chức/doanh nghiệp, giúp sinh viên tiếp cận và phát triển chuyên sâu theo lĩnh vực nghiên cứu;

d) Hợp tác doanh nghiệp: Các cuộc thi được tổ chức với 100% kinh phí do doanh nghiệp tài trợ, mang lại cơ hội thực tiễn và kết nối sinh viên với thị trường lao động.

2. Kinh phí tổ chức và mức giải thưởng của các sân chơi học thuật, cuộc thi nghiên cứu khoa học, cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Đối với các cuộc thi sử dụng kinh phí từ doanh nghiệp/đơn vị tài trợ, mức chi tiêu và giải thưởng sẽ tuân theo quy định của đơn vị tài trợ.

Điều 55. Giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên, tổ chức hội nghị, hoạt động thông tin khoa học và công nghệ cho sinh viên

1. Trường ĐHSPKT TPHCM đóng vai trò cầu nối, giới thiệu các kết quả nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu tiêu biểu, cũng như các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của sinh viên đến doanh nghiệp, tổ chức và nhà đầu tư. Mục tiêu là thu hút đầu tư, thúc đẩy hợp tác và hỗ trợ triển khai ứng dụng thực tiễn, giúp sinh viên phát triển các dự án khởi nghiệp.

2. Nhà trường đẩy mạnh công bố và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên qua các ấn phẩm khoa học, kỷ yếu hội nghị và phương tiện truyền thông theo quy định. Đồng thời, thực hiện quản lý, lưu trữ và khai thác hiệu quả nhằm đảm bảo tri thức được phổ biến rộng rãi, ứng dụng thực tiễn và kết nối với cộng đồng khoa học, doanh nghiệp, nhà đầu tư.

3. Nhà Trường tổ chức hội nghị khoa học cho sinh viên theo kế hoạch năm học nhằm mục đích:

a) Đánh giá kết quả nghiên cứu và định hướng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên;

b) Tôn vinh các thành tựu nghiên cứu xuất sắc, đồng thời tạo diễn đàn để sinh viên chia sẻ ý tưởng, dự án khởi nghiệp và kết nối cơ hội hợp tác.

4. Nhà trường tổ chức công bố và trao giải thưởng cho các tập thể, cá nhân có kết quả nghiên cứu khoa học và các ý tưởng, dự án khởi nghiệp tiêu biểu, nhằm khích lệ tinh thần sáng tạo và đổi mới trong sinh viên.

Chương VII

TỔ CHỨC HỘI THẢO/HỘI NGHỊ KHOA HỌC

Điều 56. Mục đích và phân loại hội thảo, hội nghị, báo cáo chuyên đề khoa học

1. Mục đích

- a) Xác định và thảo luận các vấn đề khoa học nhằm làm rõ ý nghĩa, giá trị nghiên cứu;
- b) Chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu giữa các nhà khoa học;
- c) Tạo cơ hội giao lưu, trao đổi học thuật giữa các nhà nghiên cứu, viên chức, người lao động và người học.

2. Phân loại

a) Hội thảo, hội nghị, báo cáo chuyên đề khoa học cấp Khoa/Viện là do các khoa/viện chuyên môn hoặc nhóm nghiên cứu trọng điểm tổ chức, với nội dung phù hợp với chuyên môn. Thông tin sự kiện phải được công bố rộng rãi, đảm bảo có tối thiểu 02 báo cáo khoa học. Thành phần tham dự có thể bao gồm viên chức, người lao động, người học, khách mời trong và ngoài nước. Viên chức, người lao động tham gia báo cáo được tính giờ nghiên cứu khoa học và người tham dự được tính giờ nhiệm vụ 3 theo Quy chế làm việc của giảng viên;

b) Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường là do Phòng Khoa học Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong hoặc ngoài Trường tổ chức. Thông tin sự kiện phải được công bố rộng rãi, thu hút tối thiểu 50 người tham dự và có ít nhất 04 báo cáo khoa học. Thành phần tham dự có thể bao gồm: viên chức, người lao động, học viên cao học, nghiên cứu sinh, sinh viên, doanh nghiệp, khách mời trong và ngoài nước. Những người tham gia báo cáo được tính giờ nghiên cứu khoa học, trong khi người tham dự được tính giờ nhiệm vụ 3 theo quy định;

c) Hội thảo, hội nghị khoa học Quốc tế là do Trường ĐHSPKT TPHCM phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức, quy tụ các học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tham gia. Các bài báo khoa học được phản biện, trình bày trong hội thảo, hội nghị và được đăng trong kỷ yếu chính thức. Ngôn ngữ sử dụng cho bài viết và báo cáo là tiếng Anh, đảm bảo tính hội nhập và lan tỏa tri thức trên phạm vi toàn cầu.

Điều 57. Kinh phí tổ chức và hỗ trợ tham dự hội thảo, hội nghị

1. Kinh phí tổ chức hội thảo, hội nghị, báo cáo chuyên đề khoa học được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ của Trường theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Nguồn kinh phí tổ chức hội thảo, hội nghị Quốc tế

- a) Kinh phí đóng góp từ tác giả tham dự;
- b) Kinh phí tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp;
- c) Kinh phí từ Trường ĐHSPKT TPHCM.

3. Hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Chương VIII

HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 58. Mục đích

1. Thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học của Trường cho doanh nghiệp.
2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
3. Khuyến khích các nhà khoa học tham gia giải quyết các vấn đề thực tế trong doanh nghiệp, trong xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước.
4. Tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học cho Trường ĐHSPKT TPHCM.

Điều 59. Đối tượng được chuyển giao

1. Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ.
2. Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu.
3. Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.
4. Máy móc, thiết bị đi kèm theo các công nghệ trên.
5. Trường hợp công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Chương V Quy định này.

Điều 60. Phương thức chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao tài liệu hướng dẫn và thông tin liên quan đến công nghệ.
2. Đào tạo cho bên nhận công nghệ nắm vững và làm chủ công nghệ trong thời gian thỏa thuận.
3. Thực hiện các hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ.
4. Cử chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn bên nhận công nghệ trong quá trình ứng dụng, vận hành nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ theo thỏa thuận.
5. Chuyển giao máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ.
6. Phương thức chuyển giao khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 61. Quy định quản lý các hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Việc chuyển giao công nghệ phải được thể hiện dưới hình thức hợp đồng hoặc các điều khoản, phụ lục của hợp đồng.
2. Các kết quả nghiên cứu khoa học là sản phẩm công nghệ sử dụng kinh phí từ Nhà nước hoặc Trường ĐHSPKT TPHCM, khi chuyển giao phải thông qua Trường hoặc các Trung tâm có chức năng chuyển giao công nghệ của Trường. Việc chuyển giao phải tuân thủ các quy định của Luật chuyển giao công nghệ và thực hiện theo các quy định về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí Nhà nước.
3. Các cá nhân, nhóm nghiên cứu không được tự ý thực hiện các hoạt động chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học có sử dụng kinh phí của Trường hoặc Nhà nước khi chưa có sự cho phép của Trường.

4. Các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ phải được ký thông qua các Trung tâm có chức năng chuyển giao công nghệ hoặc ký trực tiếp với Trường ĐHSPKT TPHCM. Các hợp đồng ký trực tiếp với Trường phải được gửi về Trung tâm Sáng tạo Khởi nghiệp và Chuyển giao Công nghệ để kiểm tra, rà soát trước khi trình BGH ký duyệt.

5. Các Trung tâm có chức năng chuyển giao công nghệ của Trường có trách nhiệm báo cáo với Trung tâm Sáng tạo Khởi nghiệp và Chuyển giao Công nghệ về các hoạt động chuyển giao công nghệ để thực hiện quản lý.

6. Kinh phí từ các hoạt động chuyển giao phải được chuyển về tài khoản của Trường ĐHSPKT TPHCM hoặc tài khoản của các Trung tâm (nếu có). Các Trung tâm phải có trách nhiệm báo cáo với Trường về tình hình tài chính liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ.

7. Đối với các kết quả nghiên cứu khoa học được tạo ra từ hợp tác nghiên cứu với các doanh nghiệp hoặc các tổ chức trong và ngoài nước khác, các hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được sự đồng thuận của Nhà trường, Trung tâm và các đối tác tham gia hợp tác.

8. Các lĩnh vực khuyến khích chuyển giao, hạn chế chuyển giao và cấm chuyển giao được quy định trong Luật Chuyển giao công nghệ.

9. Việc phân chia lợi nhuận và quyền lợi giữa các bên liên quan trong hoạt động chuyển giao công nghệ được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Điều 62. Quy định hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Trường ĐHSPKT TPHCM có trách nhiệm hỗ trợ các cá nhân, nhóm nghiên cứu các thủ tục hành chính để thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ cá nhân, nhóm nghiên cứu thông qua cấp kinh phí các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3. Tạo điều kiện cho cá nhân, nhóm nghiên cứu sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và trang thiết bị của Nhà trường để phục vụ các đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Phòng Khoa học Công nghệ, các Trung tâm có chức năng chuyển giao công nghệ và các đơn vị liên quan trong Trường có trách nhiệm kết nối với đối tác bên ngoài để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ.

Chương XI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 63. Khen thưởng, kỷ luật đối với người học

1. Khen thưởng

- a) Đạt giải tại các cuộc thi học thuật, sáng tạo khởi nghiệp cấp quốc gia và quốc tế;
- b) Đạt giải tại các cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên;
- c) Có đề tài nghiên cứu khoa học xuất sắc và được Hội đồng đề xuất;
- d) Có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín như Phụ lục 2;

e) Có đóng góp trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ được các cấp ghi nhận;

g) Hình thức khen thưởng: Giấy khen, tiền thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Kỷ luật

Người học vi phạm các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học phải chịu hình thức xử lý, kỷ luật theo quy định của Trường.

Điều 64. Khen thưởng đối với viên chức, người lao động

1. Có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín như Phụ lục 2.
2. Có thành tích hướng dẫn sinh viên đạt giải (từ Giải 3 trở lên) trong các cuộc thi học thuật, sáng tạo khởi nghiệp cấp quốc gia và quốc tế.
4. Có thành tích nổi bật trong vận động tài trợ phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và được Phòng Khoa học Công nghệ đề xuất.
5. Đạt các giải thưởng khoa học và công nghệ.
6. Có đóng góp trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ được các cấp ghi nhận.
7. Viên chức, người lao động nữ có thành tích tiêu biểu trong nghiên cứu khoa học.
8. Viên chức, người lao động trẻ có thành tích tiêu biểu trong nghiên cứu khoa học.
9. Hình thức khen thưởng: khen thưởng đột xuất, khen thưởng hằng năm; định mức khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 65. Xử lý trễ hạn, vi phạm hợp đồng trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chủ nhiệm chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở, quỹ Nafosted và tương đương không hoàn thành nội dung đề tài theo đúng thuyết minh và hợp đồng trễ hạn quá 06 tháng sẽ xử lý như sau:

a) Chủ nhiệm đề tài sẽ bị xử lý theo quy định của cơ quan chủ quản và pháp luật hiện hành;

b) Phải bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần kinh phí được cấp cho đề tài dựa theo kết quả đánh giá của Hội đồng và kết quả xác minh nguyên nhân không hoàn thành đề tài;

2. Chủ nhiệm đề tài cấp Trường bị hủy sẽ bị xử lý như sau:

a) Hoàn trả lại 100% kinh phí thực hiện đề tài nếu đã được cấp hoặc tạm ứng;

b) Chủ nhiệm đề tài không được đăng ký đề tài cấp Trường trong 01 năm tiếp theo;

1. Đối với các đề tài cấp Trường, nếu các sản phẩm không đạt theo yêu cầu thì sẽ xử lý theo quy định tại Điều 39 Quy định này.

Chương XII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 66. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Khoa học Công nghệ là đơn vị chủ trì phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện quy định hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHSPKT TPHCM.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc

thay thế thì thực hiện theo các văn bản tại thời điểm đó.

3. Quy định này thay thế:

- Quyết định số 86/2010/QĐ-ĐHSPKT-QLKH ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành quy định về quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp Trường.

- Quyết định số 1626/QĐ-ĐHSPKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành quy định sở hữu trí tuệ.

- Quyết định số 1027/QĐ-ĐHSPKT ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Trường ĐHSPKT TPHCM quy định về quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp Trường.

- Quyết định số 934/QĐ-ĐHSPKT ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Trường ĐHSPKT TPHCM về ban hành quy định về sở hữu trí tuệ.

- Quyết định số 3838/QĐ-ĐHSPKT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Trường DDHSPKT TPHCM về ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân báo cáo với Nhà trường (thông qua Phòng Khoa học Công nghệ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Phụ lục 1 và Phụ lục 2 sẽ được điều chỉnh khi Quy chế chi tiêu nội bộ có sự thay đổi để đảm bảo tính phù hợp.

6. Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định./.



Phụ lục 1**ĐỊNH MỨC KINH PHÍ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1402 QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN

STT	Sản phẩm yêu cầu: Lĩnh vực khoa học tự nhiên, Kỹ thuật, Công nghệ	Sản phẩm yêu cầu: Lĩnh vực khoa học XH, Kinh tế, Luật	Kinh phí phân bổ tối đa (đồng)
1.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và xếp hạng Q1 theo ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1 theo chuyên ngành của Scimago.	120.000.000
2.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và được xếp hạng Q2 theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q2 theo chuyên ngành của Scimago.	90.000.000
3.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và được xếp hạng Q3 theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q2 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q3 theo chuyên ngành của Scimago.	60.000.000
4.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE và xếp hạng Q4 hoặc chưa phân nhóm Q theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q3 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q4 theo chuyên ngành của Scimago.	45.000.000
5.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q4 theo chuyên ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục Scopus chưa xếp hạng Q. - Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục ESCI của WoS.	- Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục Scopus chưa xếp hạng Q. - Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục ESCI của WoS.	30.000.000
6.	- Bài báo đăng trên tạp chí trong nước trong danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước có điểm từ 0,75-1,25.	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước trong danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước có điểm từ 0,75-1,25.	25.000.000
7.	- Bài báo đăng toàn văn trong kỷ yếu	- Bài báo đăng toàn văn trong kỷ	

	hội thảo khoa học quốc tế (Conferece Proceedings) có ISBN/ISSN và được xuất bản online bởi NXB uy tín. - Bài báo đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật thuộc ngành được tính điểm trong danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước.	yếu hội thảo khoa học quốc tế (Conferece Proceedings) có ISBN/ISSN và được xuất bản online bởi NXB uy tín. - Bài báo đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật thuộc ngành được tính điểm trong danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước.	20.000.000
8.	- Bài báo đăng trên tạp chí trong nước trong danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm 0,5. - Bài báo đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật chưa được tính điểm trong danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước.	- Bài báo đăng trên tạp chí trong nước trong danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm 0,5. - Bài báo đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật chưa được tính điểm trong danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước.	15.000.000
9.	01 bài SCIE và xếp hạng Q1 theo Scimago; 01 bài SCIE và xếp hạng Q1/Q2 theo Scimago; 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (chấp nhận đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích) hoặc 01 hợp đồng chuyển giao tri thức/chuyên giao công nghệ giá trị tối thiểu 50 triệu đồng thông qua trường; đào tạo 01 học viên cao học.	01 bài xếp hạng Q1 theo Scimago; 01 bài xếp hạng Q1/Q2 theo Scimago; 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (chấp nhận đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích) hoặc 01 hợp đồng chuyển giao tri thức/chuyên giao công nghệ giá trị tối thiểu 50 triệu đồng thông qua trường; đào tạo 01 học viên cao học.	230.000.000
10.	Đề tài dành cho nhóm nghiên cứu trọng điểm: 01 bài báo SCIE/SSCI/AHCI và xếp hạng Q1 theo ngành của Scimago; 01 bài báo SCIE/SSCI/AHCI và xếp hạng Q1/Q2 theo ngành của Scimago; 01 sản phẩm sở hữu trí tuệ (chấp nhận đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích) hoặc 01 hợp đồng chuyển giao tri thức/chuyên giao công nghệ giá trị tối thiểu 100 triệu đồng thông qua trường; hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.		300.000.000
11.	Kinh phí hỗ trợ thêm cho đề tài: - Đối với đề tài đăng ký sáng chế: 30.000.000 đồng. - Đối với đề tài đăng ký giải pháp hữu ích: 20.000.000 đồng. - Đối với đề tài đăng ký đào tạo thành công học viên cao học tại trường: 5.000.000 đồng. - Đối với đề tài có đăng ký đào tạo nghiên cứu sinh tại trường: 10.000.000 đồng. - Đối với đề tài đăng ký thêm 01 sản phẩm bài báo tính từ STT 1 đến STT 4: hỗ trợ thêm 50% định mức.		
12.	Đề tài có sản phẩm là các bài báo thấp hơn so với đăng ký nhưng nằm trong STT từ 1 đến 5 thì cắt giảm kinh phí về mức kinh phí của bài báo hiện tại, đồng thời cắt giảm thêm 05 triệu đồng do không hoàn thành sản phẩm như đăng ký trong thuyết minh.		

Ghi chú: Từ mục 1 đến mục 5, đề tài phải có tối thiểu 03 người thực hiện; từ mục 6 đến mục 8, tối thiểu 02 người thực hiện; mục 9 và 10, tối thiểu 04 người thực hiện. Mục 8 chỉ dành cho đối tượng đăng ký đề tài là Thạc sĩ, Kỹ sư hoặc Cử nhân.

ĐỐI VỚI SINH VIÊN

STT	Yêu cầu sản phẩm	Kinh phí phân bổ tối đa (đồng)
1.	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước trong danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính từ 0,5 điểm trở lên; hoặc bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số xuất bản ISSN; hoặc sản phẩm mô hình, thiết bị có hợp đồng chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng. (Đối với đề tài đăng ký 02 sản phẩm trong mục này, kinh phí tối đa là 25.000.000 đồng)	15.000.000
2.	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí không thuộc mục 1; hoặc bài báo đăng trên hội thảo quốc tế có chỉ số xuất bản ISBN; hoặc sản phẩm mô hình, thiết bị (không có hợp đồng chuyển giao công nghệ).	10.000.000
3.	Đề tài có sản phẩm không thuộc mục 1 và mục 2.	5.000.000



Phụ lục 2**ĐỊNH MỨC THƯỞNG BÀI BÁO KHOA HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐỐI VỚI NCS, HVCH

STT	Lĩnh vực khoa học tự nhiên, Kỹ thuật, Công nghệ	Lĩnh vực khoa học XH, Kinh tế, Luật	Mức thưởng (đồng)
1.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và xếp hạng Q1 theo ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1 theo chuyên ngành của Scimago.	10.000.000
2.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và được xếp hạng Q2 theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q2 theo chuyên ngành của Scimago.	8.000.000
3.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và được xếp hạng Q3 theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q2 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q3 theo chuyên ngành của Scimago.	5.000.000
4.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE và xếp hạng Q4 hoặc chưa phân nhóm Q theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q3 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q4 theo chuyên ngành của Scimago.	4.000.000
5.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q4 theo chuyên ngành của Scimago.		3.000.000



ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Lĩnh vực khoa học tự nhiên, Kỹ thuật, Công nghệ	Lĩnh vực khoa học XH, Kinh tế, Luật	Mức thưởng tối đa (đồng/bài)
1.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và xếp hạng Q1 theo ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1 theo chuyên ngành của Scimago.	110.000.000
2.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và được xếp hạng Q2 theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q2 theo chuyên ngành của Scimago.	80.000.000
3.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE của WoS và được xếp hạng Q3 theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q2 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q3 theo chuyên ngành của Scimago.	50.000.000
4.	- Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong danh mục SCIE và xếp hạng Q4 hoặc chưa phân nhóm Q theo ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q3 theo chuyên ngành của Scimago.	Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q4 theo chuyên ngành của Scimago.	35.000.000
5.	- Bài báo đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q4 theo chuyên ngành của Scimago. - Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục Scopus chưa xếp hạng Q. - Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục ESCI của WoS.	- Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục Scopus chưa xếp hạng Q. - Bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục ESCI của WoS.	20.000.000
6.	Chương sách chuyên khảo (Book Chapter) do NXB quốc tế uy tín do WoS thống kê công bố.	Chương sách chuyên khảo (Book Chapter) do NXB quốc tế uy tín do WoS thống kê công bố.	15.000.000
7.	- Bài báo đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế có ISBN/ISSN và trong danh mục Scopus hoặc kỷ yếu hội thảo xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín được thống kê bởi WoS. - Bài báo đăng trong volume thuộc Book series trong danh mục Scopus.	- Bài báo đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế có ISBN/ISSN và trong danh mục Scopus hoặc kỷ yếu hội thảo xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín được thống kê bởi WoS. - Bài báo đăng trong volume thuộc Book series trong danh mục Scopus.	7.000.000



STT	Lĩnh vực khoa học tự nhiên, Kỹ thuật, Công nghệ	Lĩnh vực khoa học XH, Kinh tế, Luật	Mức thưởng tối đa (đồng/bài)
8.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng GSNN tính tối đa 1,25 điểm và có chỉ số DOI.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng GSNN tính tối đa 1,25 điểm và có chỉ số DOI.	5.000.000
9.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng GSNN tính tối đa 0,75 hoặc 1 điểm và có chỉ số DOI.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng GSNN tính tối đa 0,75 hoặc 1 điểm và có chỉ số DOI.	4.500.000
10.	Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật viết bằng tiếng Anh.	Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật viết bằng tiếng Anh.	3.000.000
11.	Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật viết bằng tiếng Việt.	Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật viết bằng tiếng Việt.	2.500.000

